

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm các nội dung cơ bản như sau:

1.1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu

- Chủ đầu tư: Trung tâm Nuôi dưỡng và điều dưỡng Người có công số 1 Hà Nội.

- Dự toán mua sắm: Mua sắm xe ô tô năm 2026.

- Tên gói thầu: Mua sắm xe ô tô năm 2026.

- Hình thức hợp đồng: Trọn gói.

- Thời gian thực hiện hợp đồng: Trong vòng 60 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

- Phạm vi cung cấp: 01 Xe ô tô 47 chỗ và 01 xe ô tô cứu thương (Xe cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn quy định tại Thông tư số 27/2017/TT-BYT).

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm yêu cầu về kỹ thuật chung và yêu cầu về kỹ thuật chi tiết đối với hàng hóa thuộc phạm vi cung cấp của gói thầu, cụ thể:

a) Yêu cầu về kỹ thuật chung:

- Tất cả các hàng hóa và dịch vụ được cung cấp có nguồn gốc rõ ràng, hợp pháp, được phép lưu hành Việt Nam

- Hàng hóa là hàng chính hãng, đảm bảo mới 100%, chưa qua sử dụng, sản xuất từ năm 2025 trở lại đây.

- Giá dự thầu đã bao gồm thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế GTGT và chi phí vận chuyển. Nhà thầu chào giá chưa bao gồm lệ phí trước bạ, phí đăng kiểm xe, phí cấp biển số, phí bảo trì đường bộ, bảo hiểm xe.

b) Yêu cầu về kỹ thuật cụ thể:

Hàng hóa tương đương mã/Hãng/Nhà sản xuất/ Xuất xứ (nếu có) sau đây:

STT	HẠNG MỤC	THÔNG SỐ
I	Ô TÔ DU LỊCH 47 CHỖ	
1	Thông tin chung	
	Tiêu chuẩn khí thải	Euro V
	Thời gian bảo hành	36 tháng hoặc 200.000 km tùy điều kiện nào đến trước
2	Thông số kích thước	
	Kích thước tổng thể (DxRxC)	≥12000x2500x3400(mm)
	Chiều dài cơ sở	≥6000(mm)
	Khoảng sáng gầm xe	≥160 (mm)
3	Thông số về khối lượng, số chỗ	
	Khối lượng toàn bộ	≥15.500(kg)
	Số người cho phép chở (người)	47 (45 hành khách + 01 tài xế + 01 ghế phụ)
4	Thông số về tính năng chuyển động	
	Tốc độ cực đại của xe	≥110(km/h)
	Độ dốc lớn nhất xe vượt được	≥40(%)
	Bán kính quay vòng nhỏ nhất	≤12(m)
	Động cơ	
	Kiểu động cơ	Diesel, 4 kỳ, 6 xy lanh thẳng hàng, tăng áp
	Dung tích xy lanh	≥8500 (cm3)
	Công suất lớn nhất	≥245kW
	Momen xoắn lớn nhất/số vòng quay	1600/1000-1400(Nm/rpm)
	Tiêu chuẩn khí thải	Euro V
5	Ly hợp	
	Kiểu loại	Đĩa đơn, ma sát khô, dẫn động thủy lực, trợ lực khí nén
6	Hộp số	
	Kiểu loại	Cơ khí, 6 số tiến, 1 số lùi

STT	HẠNG MỤC	THÔNG SỐ
7	Cầu trước	
	Kiểu loại	Dầm chữ I
	Khối lượng cho phép	$\geq 7.000(\text{kg})$
8	Cầu sau	
	Kiểu loại	Dầm hộp liền
	Khối lượng cho phép	$\geq 13.000(\text{kg})$
9	Bánh xe	
	Công thức bánh xe	4x2
	Vật liệu mâm	Thép
	Cỡ lốp trước/sau	12R22.5 /12R22.5
10	Hệ thống treo	
	Hệ thống treo trước	Phụ thuộc, 01 đệm khí nén, giảm chấn thủy lực, thanh cân bằng.
	Hệ thống treo sau	Phụ thuộc, 02 đệm khí nén, giảm chấn thủy lực, thanh cân bằng.
11	Hệ thống phanh	
	Phanh chính trước/sau	Tang trống, dẫn động khí nén, hai dòng độc lập, có ABS
	Phanh đỗ xe	Tang trống, khí nén + lò xo tích năng tác động lên các bánh xe sau
	Phanh phụ	Phanh động cơ
12	Hệ thống lái	
	Kiểu loại	Trục vít ê cu bi, Trợ lực thủy lực
13	Hệ thống điều hoà	
	Công suất lạnh	$\geq 28.000 \text{ kcal/h}$

STT	HẠNG MỤC	THÔNG SỐ
14	Thùng nhiên liệu	
	Vật liệu	Nhôm
	Dung tích thùng nhiên liệu (lít)	≥400
15	Ngoại thất	
	Mặt trước:	
	Đèn chiếu sáng	LED
	Đèn sương mù	Halogen
	Gương chiếu hậu chỉnh điện	Có
	Đèn led vị trí trên cao phía trước	Có
	Cửa hành khách (1 cánh mở ra ngoài)	Điều khiển điện
	Mặt hông:	
	Cửa kính hông	Cường lực
	Đèn xi nhan + Đèn vị trí	Có
	Đèn soi lốp	Có
	Mặt sau:	
	Đèn cản sau	Có
	Đèn soi biển số	Có
16	Nội thất	
	<i>Khoang lái:</i>	
	Đèn trần	đèn Downlight
	Rèm che nắng sau kính chắn gió	Có
	Gương chiếu hậu trong xe	Có
	<i>Khoang hành khách</i>	
	Áo ghế	Simili
	Tay nắm lưng ghế	Có
	Sàn xe	Simili vân gỗ
	Đèn trần	đèn Downlight
	Máng gió	Cửa gió tích hợp đèn
	Rèm che nắng hông xe	Có

STT	HẠNG MỤC	THÔNG SỐ
	Kệ hành lý	Bố trí dọc 2 bên trần xe
II	XE Ô TÔ CỨU THƯƠNG	
	THÔNG TIN CHUNG	
	Tiêu chuẩn khí thải	Euro V
	Thời gian bảo hành	36 tháng hoặc 100.000 km tùy điều kiện nào đến trước
	Màu sơn	Trắng
	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	
	Dung tích động cơ	≥1990 cc
	Công suất cực đại	105 Kw/3600 rpm
	Momen xoắn	355Nm/1400 - 3200 rpm
	Kích thước tổng thể (dài x rộng x cao)	≥ 5340 x ≥ 2030 x ≥ 2450 mm
	Chiều dài cơ sở	≥3300 mm
	Trọng lượng toàn bộ	≥3500 kg
	Dung tích bình nhiên liệu	≥80 lít
	Nhiên liệu sử dụng	Dầu
	Hộp số	Số sàn, 5 số tiến, 01 số lùi
	Hệ thống phanh trước, sau	Phanh đĩa
	Hệ thống chống bó cứng phanh	ABS, EBD
	Hệ thống tay lái	Tay lái thuận có trợ lực
	Cỡ lốp	215/75R16
	Số chỗ ngồi	07 ngồi + 01 nằm
	PHỤ KIỆN TIÊU CHUẨN KÈM THEO	
	Điều hoà nhiệt độ cho khoang lái và khoang bệnh nhân	01 bộ
	Cửa sổ khoang lái điều khiển điện	01 bộ
	Túi khí bảo vệ người lái	01 bộ
	Khoá cửa trung tâm	01 bộ

STT	HẠNG MỤC	THÔNG SỐ
	Điều khiển từ xa	01 bộ
	Đèn pha chiếu sáng phía trước loại đèn LED	01 bộ
	Đèn hậu cảnh báo phía sau loại đèn LED	01 bộ
	Đồng hồ hiển thị tốc độ	01 bộ
	Đồng hồ báo nhiệt độ máy	01 bộ
	Đồng hồ báo mức nhiên liệu	01 bộ
	AM/FM Radio	01 bộ
	Camera cảnh báo lùi, cảm biến lùi	01 bộ
	Tựa đầu phía trước	01 bộ
	Dây đai an toàn phía trước	01 bộ
	Gương chiếu hậu bên ngoài	01 bộ
	Gương chiếu hậu bên trong	01 cái
	Chắn nắng phía trước	02 cái
	Rửa kính phía trước	01 bộ
	Bộ dụng cụ tiêu chuẩn kèm theo (gồm kích và tuýp mở lốp, tay kích)	01 bộ
	Bánh xe dự phòng	01 bộ
	Bình chữa cháy	01 bình
	Búa thoát hiểm	01 cái
	Sổ bảo hành	01 bộ
	Sách hướng dẫn sử dụng	01 bộ
	Camera hành trình	01 bộ
	TRANG THIẾT BỊ KHOANG BỆNH NHÂN	
	Đèn LED phát tín hiệu ưu tiên màu đỏ tích hợp nóc xe phía trước, phía sau và hai bên	01 bộ
	Đèn LED chiếu sáng phía sau giúp lên xuống cồng ban đêm	01 bộ
	Đèn chiếu sáng khoang bệnh nhân	01 bộ
	Quạt thông gió khoang bệnh nhân	01 bộ

STT	HẠNG MỤC	THÔNG SỐ
	Hệ thống còi phát tín hiệu ưu tiên loại đa tần	01 bộ
	Amply và microphone tuyên truyền	01 bộ
	Intercom gồm loa và microphone kết nối lái xe và bác sỹ khoang sau	01 bộ
	Bộ đổi nguồn điện Invertor (1000 W)	01 bộ
	Bảng điều khiển điện	01 bộ
	Hệ thống điện 12V/DC	01 bộ
	Hệ thống điện 220V/AC	01 bộ
	Hệ thống cung cấp khí oxy âm tường 02 bình x 10 lít	01 bộ
	Cổng kết nối hệ thống oxy và máy thở	01 bộ
	Lưu lượng kế và bình làm ẩm oxy	01 bộ
	Cửa kính ở cửa bên	01 bộ
	Móc treo truyền dịch	01 bộ
	Gá treo bơm tiêm điện/máy truyền dịch	01 bộ
	Thùng đựng rác	01 cái
	Tủ đựng thiết bị y tế nhiều ngăn chuyên dụng	01 bộ
	Ghế ngồi cho nhân viên y tế phía đầu cáng	01 cái
	Ghế cho nhân viên y tế và người nhà bệnh nhân	01 bộ
	Hộc để đồ dưới băng ghế	01 bộ
	Tay nắm an toàn cho nhân viên trên trần khoang bệnh nhân	01 cái
	Ký hiệu và logo chữ thập đỏ	01 bộ
	Vách ngăn khoang lái và khoang bệnh nhân có cửa sổ trượt	01 bộ
	Trần và tường bằng nhựa chống bám bẩn và vệ sinh dễ dàng	01 bộ

STT	HẠNG MỤC	THÔNG SỐ
	Sàn được phủ lớp Vinyl trong ngành y tế chống trơn trượt, vệ sinh dễ dàng	01 bộ
	Cáng phụ gấp được	01 cái
	Cáng chính có bánh xe chân tự bung khi lên xuống xe	01 cái
	Bệ đỡ cố định cáng trên sàn xe	01 bộ
	Tấm đỡ cáng giúp lên xuống xe dễ dàng	01 bộ

Ghi chú:

- *Bất kỳ thương hiệu, mã hiệu (nếu có) trong bảng yêu cầu kỹ thuật là để minh họa các tiêu chuẩn chất lượng, tính năng kỹ thuật yêu cầu, nhà thầu có thể lựa chọn dự thầu hàng hóa có nguồn gốc, xuất xứ, nhà sản xuất, thương hiệu, mã hiệu phù hợp với điều kiện cung cấp nhưng phải đảm bảo yêu cầu có tiêu chuẩn kỹ thuật, đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng tương đương hoặc ưu việt hơn so với các yêu cầu tối thiểu. Trường hợp nhà thầu chào hàng hóa tương đương, nhà thầu phải cung cấp tài liệu kèm theo để chứng minh.*

- *Trong yêu cầu về kỹ thuật, nếu cụm từ “tương đương” được mô tả sau các yêu cầu về kỹ thuật của thiết bị thì được hiểu tương đương về đặc tính kỹ thuật, tiêu chuẩn công nghệ, nếu cụm từ “tương đương” được mô tả sau các yêu cầu về chức năng của thiết bị thì được hiểu tương đương về tính năng sử dụng.*

Mục 2. Bản vẽ: Không có bản vẽ.

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm:

- Hàng hóa phải được kiểm tra, thử nghiệm theo quy trình kiểm tra, thử nghiệm của nhà sản xuất, tiêu chuẩn về nghiệm thu tương ứng của pháp luật.

- Các kiểm tra và thử nghiệm gồm:

+ Kiểm tra trước khi giao hàng.

+ Kiểm tra sau khi giao hàng.

+ Kiểm tra vận hành.

+ Và các kiểm tra thử nghiệm khác theo yêu cầu của nhà sản xuất.

- Số lượng, trình tự, quy trình kiểm tra, thử nghiệm đối với hàng hóa, thiết bị phải được thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật về kiểm tra, nghiệm thu hàng hóa. Ngoài ra còn phải thực hiện theo các quy định của nhà sản xuất và các cơ quan quản lý liên quan.

- Nếu hàng hóa không đạt yêu cầu như trong E-HSMT đã yêu cầu thì Chủ đầu tư có quyền từ chối nghiệm thu. Và Nhà thầu phải có biện pháp thay thế hàng hóa khác đảm bảo hàng hóa đáp ứng yêu cầu của E-HSMT và phải được Chủ đầu tư chấp nhận. Nếu không đáp ứng được thì Nhà thầu phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về những thiệt hại do bên mình gây ra.